

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1148~~/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~23~~ tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Chăn nuôi và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 1299/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường; số 2732/QĐ-BNN-CN ngày 19/7/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực chăn nuôi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 33/2018/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 39/2020/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 ban hành Quy chế hoạt động của Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2686/TTr-SNNPTNT ngày 09/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Chăn nuôi và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Chăn nuôi tại Phụ lục I kèm theo.

2. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại Phụ lục II kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm xây dựng lại nội dung, cung cấp mẫu đơn của từng TTHC được công bố tại Quyết định này, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để đăng tải công khai lên phần mềm Công dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi và gửi Văn phòng UBND tỉnh để theo dõi, kiểm tra chất lượng nội dung của từng TTHC; thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật nội dung của từng TTHC được công bố tại Quyết định này lên phần mềm Công dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Ngãi theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật nội dung của từng TTHC được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và kiểm soát việc giải quyết TTHC nêu trên theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại các Quyết định: Số 1078/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; số 655/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; số 1854/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; số 170/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 không được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ -

Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VNPT Quảng Ngãi;
- Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, KTN, TTHC, CBTH;
- Lưu: VT, TTHC *(pvt)*.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

100

100

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÀI BỎ TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG; CHẤM NGŨI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1118/QĐ-UBND** ngày **23/8/2022**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1118/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

| Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm, cách thức thực hiện | Lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường | | | | |
| 1.009478 | Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. | Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định | - Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua đường bưu điện. | 150.000 đồng | - Luật số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội. - Luật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội. - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày |

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Mã thủ tục | Tên thủ tục hành chính | Cách thực thực hiện | Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Ghi chú |
|---------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lĩnh vực Chăn nuôi | | | | | |
| 1 | 1.008126 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng. | Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, số 54 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thông qua cách thức sau: - Trực tiếp. - Qua dịch vụ bưu chính. - Qua môi trường mạng. | Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. | Bổ sung về căn cứ pháp lý và sửa đổi mẫu đơn, tờ khai (Mẫu số: 02.TACN, 05.TACN, 06.TACN) |
| 2 | 1.008127 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng. | | | Bổ sung về căn cứ pháp lý và sửa đổi mẫu đơn, tờ khai (Mẫu số 06.TACN). |
| 3 | 1.008128 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. | | | Bổ sung căn cứ pháp lý, sửa đổi mẫu đơn, tờ khai (Mẫu số: 02.DKCN, 05.DKCN) |
| 4 | 1.008129 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. | | | Bổ sung về căn cứ pháp lý và sửa đổi mẫu đơn, tờ khai (Mẫu số 05.DKCN). |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẠI BỎ

| STT | Tên thủ tục hành chính | Cơ sở pháp lý quy định nội dung bãi bỏ |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng | Điều 2 Quyết định số 1299/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1448** /QĐ-UBND ngày **13** /8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Lưu ý quy cách thực hiện và quy ước viết tắt trong quy trình

- Khi chuyển hồ sơ giấy: Chuyển đầy đủ Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu số 01 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh) và Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu số 04 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh).
- Khi phân công xử lý hồ sơ, chuyển tiếp hồ sơ từ bộ phận này sang bộ phận khác xử lý: Phải ký, ghi rõ tên người phân công/người chuyển tiếp, người nhận trên Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04); đồng thời phải phân công/ chuyển tiếp trên phần mềm điện tử, trùng khớp với Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Mẫu 04).
- Xử lý việc dừng giải quyết hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ còn thiếu thông tin, chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: Trong thời hạn quy định, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở phải ban hành Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ (Mẫu số 07 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh).
 - + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để giải quyết theo quy định: Ban hành Thông báo trả hồ sơ không giải quyết (Mẫu số 08 - Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh).
- Quy ước viết tắt trong Quy trình giải quyết: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, viết tắt là: "Mẫu số 01"; Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, viết tắt là: "Mẫu số 04"; Thông báo bổ sung, hoàn thiện lại hồ sơ, viết tắt là: "Mẫu số 07"; Thông báo trả hồ sơ không giải quyết, viết tắt là: "Mẫu số 08"; Các bước trong quy trình, viết tắt là: "B1, B2, B3..."; Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi, viết tắt là: "Trung tâm".
- Các Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y viết tắt là: "Cơ quan chuyên môn".

Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành

Thời hạn giải quyết: Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

* Trường hợp Công bố hợp quy đối với Giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

* Trường hợp Công bố hợp quy đối với Sản phẩm muối công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản

* Trường hợp Công bố hợp quy đối với Giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thủy sản

* Trường hợp Công bố hợp quy đối với Thức ăn chăn nuôi; Sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Chăn nuôi và Thú y

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B1: Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ. - Hướng dẫn nộp phí theo quy định. - Nhập thông tin hồ sơ vào Phần mềm. - Quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử. | Chuyên viên tại Trung tâm | Trong giờ hành chính | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Phiếu thu. |
| | <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý. * Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định pháp luật. | | | |
| | | | | Mẫu số 03 |

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B2: Chuyển hồ sơ | Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Cơ quan chuyên môn để phân công xử lý. | Chuyên viên tại Trung tâm bàn giao hồ sơ giấy cho nhân viên Bưu điện chuyển | 0,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ công dân. |
| B3: Kiểm tra, xử lý, phê duyệt hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên kiểm tra, xử lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ theo quy định, Chuyên viên trình lãnh đạo phòng kiểm tra để trình lãnh đạo Cơ quan chuyên môn phê duyệt; trình lãnh đạo Sở ký, ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy. | Lãnh đạo/ Chuyên viên Cơ quan chuyên môn | 3,5 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ công dân. - Dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy. |
| | <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy không đầy đủ theo quy định, Chuyên viên trình lãnh đạo phòng kiểm tra để trình lãnh đạo Cơ quan chuyên môn phê duyệt; trình lãnh đạo Sở ký thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy đầy đủ nhưng không hợp lệ, Chuyên viên trình lãnh đạo phòng kiểm tra để trình lãnh đạo Cơ quan chuyên môn phê duyệt; trình lãnh đạo Sở ký thông báo trả hồ sơ không giải quyết. | | 1,5 ngày làm việc | Mẫu số 08 |
| B4: Ký duyệt hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ. - Văn thư vào sổ, đóng dấu; Chuyển kết quả giải quyết đến Trung tâm. | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn thư | 01 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01. - Mẫu số 04. - Hồ sơ công dân. |

| Các bước thực hiện | Nội dung công việc | Đơn vị/người thực hiện | Thời gian thực hiện | Kết quả thực hiện |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| B6: Trả kết quả | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện trả kết quả cho công dân. - Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu 04. - Mời công dân đánh giá mức độ hài lòng, sau đó kết thúc việc trả kết quả trên phần mềm. | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên tại Trung tâm. - Tổ chức, cá nhân. | Trong giờ hành chính | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy/ Mẫu số 07/ Mẫu số 08. - Thu lại Mẫu số 01. - Trả hồ sơ cho công dân. |